

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị M, sinh năm 1982; thường trú: Số 13A, tổ 8, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Xã P, xã huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: D597, tổ 13, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1984; địa chỉ: Chung cư S – Block C-04, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị Mỹ P, sinh năm 1984; địa chỉ: Chung cư S – Block C-04, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1984; thường trú: Số 13A, tổ 8, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 01/02/2021 M cho bà O vay số tiền 350.000.000đ, thời hạn trả nợ là 04 tháng kể từ ngày ký giấy thỏa thuận, không thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế hợp đồng vay có lãi. Để bảo đảm cho sự tin tưởng, bà O đưa cho bà M 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Nguyễn Thị Kim O đối với thửa đất 885 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Hết thời hạn 04 tháng, bà O vẫn không trả tiền cho bà M. Nay bà M yêu cầu bà O phải trả số tiền 411.250.000đ, trong đó nợ gốc 350.000.000đ, lãi quá hạn 21 tháng (từ ngày 01/6/2021 đến ngày xét xử) là 350.000.000đ x 21 tháng x 0,83% thành tiền 61.250.000đ; tiền lãi trong hạn không yêu cầu. Tổng cộng là 411.250.000đ.

Ngày 07/02/2021, bà M còn cho bà P và bà O vay 500.000.000đ thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày ký giấy thỏa thuận, không thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế hợp đồng vay có lãi. Để bảo đảm cho sự tin tưởng, bà P và bà O đưa cho bà M 01 Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Phan Thị Mỹ P, loại nhà ở là căn hộ chung cư số 6.04 Block C khu căn hộ S, diện tích 56m². Hết thời hạn 06 tháng, bà O và bà P không trả nợ cho bà M. Nay bà M yêu cầu bà P và bà O có nghĩa vụ trả số tiền 579.100.000đ, trong đó nợ gốc là 500.000.000đ, lãi quá hạn 19 tháng (từ 01/8/2021 đến ngày xét xử) 500.000.000đ x 19 tháng x 0,83%/tháng thành tiền là 79.100.000đ; tiền lãi trong hạn không yêu cầu. Tổng cộng là 579.100.000đ.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 02 Giấy vay tiền ngày 01/02/2021, 07/01/2021; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có đối chiếu).

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O và Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng cứ, cũng như không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân T trình bày tại bản tự khai ngày 23/02/2022:* Ông là chồng của bà Mai Thị M, ông có ý kiến và trình bày đứng về phía nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt; còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 14/02/2023 của Công an phường B thì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O có đăng ký tạm trú và sinh sống tại căn hộ C6-04 chung cư S nhưng từ tháng 4/2022 đi đâu không rõ; bà Phan Thị Mỹ P có đăng ký tạm trú tại căn hộ C6-04 chung cư Samsora Riverside nhưng từ ngày 22/6/2020 đến tháng 4/2022 đi đâu không rõ. Căn cứ vào thỏa thuận vay tiền ngày 02/01/2022, ngày 07/01/2022 thì bà P, bà O đều cung cấp thông tin cư trú tại Chung cư S, Block C-04. Như vậy, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ đúng như trong hợp đồng vay tiền cho Tòa án, trong trường hợp này xác định bị đơn thay đổi nơi cư trú được xem như đã cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ như trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã cung cấp.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, bị đơn được Tòa án triệu tập bằng hình thức niêm yết và đăng báo nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Căn cứ vào Giấy thỏa thuận vay tiền các ngày 02/01/2021, 07/01/2021 do nguyên đơn cung cấp có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tiền, loại hợp đồng vay có thời hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn xác định sau khi vay thì bị đơn không trả tiền lãi hàng

tháng cũng như đến hạn trả nợ, bị đơn cũng không trả khoản nợ gốc cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn căn cứ vào giấy thỏa thuận vay tiền trên để yêu cầu bị đơn trả nợ. Xét quá trình tố tụng, bị đơn không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O trả khoản nợ gốc 350.000.000đ; bị đơn bà Phan Thị Mỹ P và bà Nguyễn Thị Kim O cùng trả khoản nợ gốc 500.000.000đ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng: Mặc dù trong giấy thỏa thuận ngày 02/01/2021, 07/01/2021 không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên theo trình bày của nguyên đơn thì đây là hợp đồng vay tài sản có lãi suất và trong suốt quá trình vay, các bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn. Bị đơn không có ý kiến gì về khoản lãi, quá trình tố tụng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả khoản lãi quá hạn đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[4] Đối với giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Nguyễn Thị Kim O đối với thửa đất 885 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An và Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Phan Thị Mỹ P, loại nhà ở là căn hộ chung cư số 6.04 Block C khu căn hộ S, diện tích 56m², bị đơn đưa cho nguyên đơn để làm tin, do đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc nguyên đơn trả giấy chứng nhận này cho bị đơn.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị M đối với bà Nguyễn Thị Kim O và bà Phan Thị Mỹ P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim O có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị M khoản nợ theo hợp đồng thỏa thuận ngày 01/02/2021 là 411.250.000 (bốn trăm mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng;

+ Nợ lãi: 61.250.000 (sáu mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim O và bà Phan Thị Mỹ P liên đới trả cho bà Mai Thị M khoản nợ theo hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021 là 579.100.000 (năm trăm bảy mươi chín triệu một trăm nghìn) đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng;

+ Nợ lãi: 79.100.000 (bảy mươi chín triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 01/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc bà Mai Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim O giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tên Nguyễn Thị Kim O đối với thửa đất 885 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An;

Buộc bà Mai Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị Mỹ P Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Phan Thị Mỹ P, loại nhà ở là căn hộ chung cư số 6.04 Block C khu căn hộ S, diện tích 56m² tọa lạc tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp 20.450.000 (hai mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng; bà Nguyễn Thị Kim O và bà Phan Thị Mỹ P phải liên đới nộp 27.164.000 (hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng.

Trả lại cho bà Mai Thị M 22.348.193 (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0000763 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đường sự (04);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

